|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****XÃ QUẢNG PHƯỚC** Số:102/BC-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Quảng Phước, ngày 06 tháng 12 năm 2021* |

**BÁO CÁO**

**Tình hình tổ chức triển khai công tác cải cách hành chính năm 2021**

**và một số nhiệm vụ năm 2022**

 Thực hiện Công văn số 257/UBND ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Quảng Điền về việc xây dựng báo cáo cải cách hành chính định kỳ năm 2021. Ủy ban Nhân dân xã báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính hành chính năm 2021, cụ thể như sau:

 **I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

 **1. Công tác cải cách hành chính**

 **a) Công tác lãnh đạo chỉ đạo**

 - Thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; kế hoạch cải cách hành chính của UBND huyện năm 2021 và các văn bản chỉ đạo của cấp trên về công tác cải cách hành chính, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2020 về việc triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2021.

 - Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính: UBND xã đã ban hànhKế hoạch số 06/KH-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2021 của UBND xã về việc tuyên truyền công tác cải cách hành chính trên địa bàn xã năm 2021. Đồng thời, thường xuyên chỉ đạo Bộ phận Văn hóa - thông tin phối hợp với các bộ phận liên quan tuyên truyền phổ biến bằng nhiều hình thức như tuyên truyền trên hệ thống Đài truyền thanh; đăng tải, cập nhật các quy định, thủ tục hành chính mới ban hành trên Trang Thông tin điện tử xã; chỉ đạo Bộ phận Tư pháp - hộ tịch, Công an xã lồng ghép việc tuyên truyền cải cách thủ tục hành chính với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; công tác tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước có liên quan tại các hội nghị của xã, thôn.

 - Về kiểm tra cải cách hành chính: Trên cơ sở của Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính của huyện năm 2021, UBND xã đã ban hành và triển khai Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2021 về kiểm tra công vụ kỷ luật, kỷ cương hành chính của UBND huyện năm 2021; Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2021 về kiểm tra công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 và thực hiện ý kiến chỉ đạo năm 2021 tại địa phương.

 **b) Cải cách thể chế**

 - Các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND xã ban hành đều được soạn thảo theo quy định của Luật dưới hình thức dự thảo rồi chuyển cho Bộ phận Tư pháp - Hộ tịch xã kiểm tra, rà soát và chuyển lên Phòng Tư pháp huyện thẩm định, góp ý. Các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đều được xem xét về sự cần thiết ban hành văn bản, đối tượng và phạm vi điều chỉnh của văn bản; tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của văn bản trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Từ 05/12/2021 đến nay, UBND và HĐND xã đã ban hành 03 văn bản quy phạm pháp luật, trong đó 03 Nghị quyết của HĐND xã.

 - Công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật tiếp tục được triển khai thực hiện nghiêm túc theo đúng tinh thần Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành VBQPPL, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2021 về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2021; Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2021 về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2021, Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2021 về kiểm tra văn bản quy phạm quy pháp luật năm 2021. Ngoài ra các VBQPPL do cấp trên ban hành đã được quán triệt và triển khai áp dụng đầy đủ trên địa bàn xã.

 **c) Cải cách thủ tục hành chính**

 - Thực hiện Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 19/01/2021 của UBND huyện về việc kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021, UBND xã đãban hành Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 về kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021. Đồng thời, ban hành Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 20/01/2021 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021.

 - Thực hiện tốt Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC: UBND xã đã niêm yết công khai các thông tin về địa chỉ, email, số điện thoại của cơ quan tiếp nhận tại trụ sở cơ quan để xử lý phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính. Từ đầu năm đến nay, UBND xã chưa nhận được bất kỳ phản ánh nào liên quan đến quy định hành chính.

 **d) Cải cách tổ chức bộ máy Nhà nước, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức**

 - Công tác xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức và người lao động trong cơ quan thường xuyên được quan tâm: Từ đầu năm đến nay đã cử 01 cán bộ bán chuyên trách tham gia học Trung cấp lý luận chính trị-hành chính; đa số cán bộ, công chức đều được cử tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Đồng thời, tạo điều kiện cho 01 cán bộ lãnh đạo theo học Đại học văn bằng hai để nâng chuẩn bằng chính quy theo quy định. Nhìn chung trình độ chuyên môn và năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức được nâng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đề ra.

 - Công tác đánh giá cán bộ, công chức đã được UBND xã thực hiện định kỳ hàng quý theo Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh và Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Qua kết quả đánh giá có 100% cán bộ, công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ, 15% cán bộ, công chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

 - Công tác quy hoạch, sử dụng, giải quyết chế độ chính sách đối với đội ngũ cán bộ chuyên trách, công chức và người hoạt động không chuyên trách đảm bảo theo quy định.

 **e) Công tác cải cách tài chính công**

 -Thực hiện tốt Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước. UBND xã đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 07/01/2021 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý tài sản công thuộc cơ quan Ủy ban nhân dân xã; thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý sử dụng biên chế và kinh phí quản lý nhà nước đối với các ban ngành, đoàn thể xã, từng bước nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, minh bạch về tài chính cơ quan.

 - Việc chi chế độ, tiền lương và các chế độ liên quan đến lương, thưởng, thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, người lao động được thực hiện theo quy định của cấp trên và Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan.

 **g) Hiện đại hóa nền hành chính**

 - UBND xã xác định nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong công tác cải cách hành chính. Ngay từ đầu năm, để đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2021 về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong hoạt động hành chính nhà nước xã Quảng Phước năm 2021.

 + Phần mềm trang điều hành tác nghiệp: Việc áp dụng phần mềm quản lý văn bản điều hành tác nghiệp của UBND xã được cập nhật và sử dụng thường xuyên và mang lại hiệu quả cao, góp phần đáp ứng yêu cầu giải quyết và điều hành hoạt động của UBND xã đảm bảo kịp thời. Tính từ ngày 05/12/2020 đến 04/12/2021 tổng số văn bản đến vào sổ lưu trên phần mềm gồm 2.037 văn bản; số văn bản truyền đi trong phần mềm được ký số là: 408 văn bản.

 + Phần mềm phát hành giấy mời quan mạng, được cán bộ phụ trách Văn thư - lưu trữ thường xuyên triển khai thực hiện trên hồ sơ công việc.

 + Phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức: 100% cán bộ công chức được hướng dẫn cập nhật thông tin nhân sự cơ bản đầy đủ trong phần mềm hồ sơ cá nhân tạo thuận lợi trong việc quản lý, lưu trữ và cập nhật hồ sơ của cán bộ, công chức tại cơ quan.

 + Trang Thông tin điện tử: UBND xã đã hành Quyết định kiện toàn Ban biên tập và phân công nhiệm các thành viên trong Ban biên tập phụ trách các lĩnh vực để kịp thời cung cấp thông tin về tình hình hoạt động của UBND xã, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả của trang thông tin điện tử địa phương, từ đầu năm 2021 đến nay đã được đăng tải 97 tin, bài có nội dung liên quan đến các hoạt động tình hình thực hiện vụ chính trị và kinh tế - xã hội của địa phương.

 + Thư điện tử công vụ, chữ ký số: 21/21 cán bộ, công chức được cấp tài khoản sử dụng thư điện tử đạt tỷ lệ 100%; 19/21 cán bộ, công chức cấp chứng thư số (chữ ký số) đạt tỷ lệ 90,5%.

- Kết quả triển khai, áp dụng và kiểm soát vận hành hệ thống quản chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 tại cơ quan.

 + Công tác duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 tại UBND xã đang được thực hiện khá thuận lợi, việc áp dụng các quy trình đã mang lại hiệu quả thiết thực, phù hợp với xu thế xây dựng nền hành chính hiện đại theo hướng công khai minh bạch, đáp ứng với yêu cầu cải cách hành chính tại xã.

 + Việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (HQLCL) đã góp phần tích cực trong giải quyết các công việc chuyên môn của cơ quan và “Bộ phận tiếp nhận và kết quả hiện đại”, các quy trình được cụ thể hóa, giảm bớt các giấy tờ rườm rà, thủ tục không cần thiết cũng như thời gian giải quyết công việc, xác định rõ trách nhiệm của các bộ phận, các ban, ngành và từng cán bộ, công chức chuyên môn được cơ quan phân công phụ trách lĩnh vực; từng bước nâng cao năng lực và tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ, công chức; giúp vận hành cơ chế “một cửa, một cửa liên thông” có hiệu quả hơn.

 + Thúc đẩy việc nâng cao và hoàn thiện kết cấu hạ tầng, trang thiết bị tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại; 100% cán bộ, công chức chuyên môn được tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu của từng nhiệm vụ công tác. Nhận thức được tầm quan trọng và hiệu quả của việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động quản lý tại UBND xã, nhìn chung, các bộ phận chuyên môn trực thuộc UBND xã đã áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng khá tốt.

 **2. Công tác kiểm soát TTHC**

 *a. Công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính*

 Công tác chỉ đạo, điều hành kiểm soát TTHC tiếp tục được triển khai thực hiện có hiệu quả; công tác rà soát, kiểm soát thủ tục hành chính theo Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ được quan tâm, việc niêm yết công khai đầy đủ các danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được UBND tỉnh phê duyệt tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hiện đại và trên Trang thông tin điện tử xã. Đồng thời, UBND xã đã chỉ đạo các bộ phận chuyên môn tiến hành rà soát, xây dựng, áp dụng duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 đối với các danh mục TTHC đã được ban hành.

 *b. Niêm yết công khai và tiếp nhận, giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã*

 Uỷ ban nhân dân xã đã chỉ đạo Công an xã niêm yết không khai về thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã, Công an xã để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, công dân đến giao dịch thủ tục hành chính.

 *c. Rà soát, đánh giá TTHC, tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính; công tác truyền thông và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo*

 - Để đơn giản hóa công tác rà soát, đánh giá TTHC, nhằm kịp thời phát hiện và kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ TTHC, quy định có liên quan không cần thiết, không phù hợp, đồng thời nhằm giảm bớt thời gian, chi phí của người dân và doanh nghiệp trong việc tuân thủ TTHC, Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo triển khai đến các bộ phận chuyên môn lựa chọn các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, được thực hiện trong năm, ảnh hưởng trực tiếp đến nhiều cá nhân, tổ chức, đơn vị, có vướng mắc bất cập trong quá trình thực hiện để rà soát, đánh giá và đề nghị cấp có thẩm quyền tổ chức thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính.

 - Ủy ban nhân dân xã đã công khai các nội dung liên quan đến tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại, trên trang Thông tin điện tử của xã và bố trí cán bộ tiếp nhận để kịp thời tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính theo quy định. Đến nay Ủy ban nhân dân xã chưa nhận được phản ánh, kiến nghị nào liên quan đến quy định hành chính.

 *d) Việc triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông*

 - Thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về ban hành Quy định tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại UBND các xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế. Để đảm bảo hoạt động có hiệu quả, phục vụ ngày càng tốt hơn, đáp ứng nhu cầu của tổ chức, công dân, UBND xã đã ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung một số nội dung về Quy chế tổ chức hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại, kiện toàn Bộ phận tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại; bố trí công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại để giải quyết thủ tục hành chính, từ ngày 05/12/2020 đến ngày 04/12/2021, đã tiếp nhận và giải quyết hơn 2.141 hồ sơ, trong đó giải quyết TTHC trên phần mềm dịch vụ công tập trung 455 hồ sơ, lĩnh vực thương binh và xã hội 126 hồ sơ; địa chính xây dựng 6 hồ sơ; tư pháp - hộ tịch 341 hồ sơ; giải quyết đúng hạn 453 hồ sơ, giải quyết quá hạn 02 hồ sơ.

**3. Công tác ISO 9001:2015**

 **a) Kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến ISO**

 Trên cơ sở các quy trình hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 UBND xã đã ban hành chuyển đổi, UBND xã xây dựng Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 19/01/2021 của UBND xã về việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động tại UBND xã năm 2020; Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 18/01/2021 về việc tự kiểm tra công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và thực hiện ý kiến chỉ đạo năm 2021; Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2021 của UBND xã về triển khai thực hiện mục tiêu chất lượng năm 2021; Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2021 về việc đánh giá nội bộ năm 2021; Ban hành Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 của UBND xã về việc banh hành mục tiêu chất lượng năm 2021; Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 của UBND xã về việc ban hành chính sách chất lượng năm 2021; Đồng thời Bổ nhiệm Đại diện lãnh đạo về chất lượng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và kiện toàn Ban chỉ đạo, Ban soạn thảo thảo Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

 Hiện nay UBND xã đang áp dụng hệ thống tài liệu đã xây dựng quy trình nội bộ gồm chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng, số tay chất lượng và 7 quy trình hệ thống(gồm quy trình kiểm soát tài liệu, quy trình kiểm soát hồ sơ, quy trình đánh giá nội bộ, quy trình kiểm soát sự không phù hợp, quy trình hành động khắc phục, quy trình hành động phòng ngừa, quy trình giải quyết rủi và cơ hội).

 **b) Kiểm tra việc tuân thủ theo các quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg, Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN và Quyết định 12/2015/QĐ-UBND về việc xây dựng, áp dụng, công bố, duy trì, cải tiến ISO và hoạt động kiểm tra tại các cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh**

 Thực hiện Quyết định số 1462/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Danh mục thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã, phường, thị trấn và quyết định của UBND tỉnh công bố các thủ hành chính mới, các thủ tục sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ các thủ tục hành chính theo thẩm quyền giải quyết của UBND xã. UBND xã đã Công bố lần 06 Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại UBND xã, bao gồm 11 lĩnh vực, 84 thủ tục, 65 quy trình.

 **4. Việc thực hiện kỷ cương, kỷ luật hành chính**

 Thực hiện Chỉ thị số 26/CT-UBND ngày 25/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh; Chỉ thị số 16/CT-UBND ngày 31/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện về tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính; nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước trên địa bàn huyện Quảng Điền; Quyết định số 48/2018/QĐ-UBND ngày 31/08/2018 của UBND tỉnh và Quyết định số 22/2019/QĐ- UBND ngày 16 tháng 5 năm 2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2018/QĐ- UBND ngày 31 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 02/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện về đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn huyện. Nhìn chung cán bộ, công chức và người lao động trong cơ quan chấp hành và sử dụng hiệu quả thời gian làm việc theo quy định, không uống rượu, bia trong giờ hành chính và giờ nghỉ trưa của ngày làm việc, trang phục, lễ phục đảm bảo; tinh thần, thái độ làm việc nghiêm túc và hiệu quả.

 **\* Đánh giá chung về những kết quả đạt được**

 - Được sự quan tâm, giúp đỡ của các phòng, ban chuyên môn cấp huyện; sự lãnh chỉ đạo của Ban Thường vụ Đảng ủy nên việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác cải cách hành chính được thuận lợi.

 - Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ngày càng được nâng lên, đạt chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực công tác, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

 - Cơ sở vật chất và trang thiết bị làm việc và phục vụ Nhân dân được quan tâm đầu tư cơ bản đầy đủ, đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ đề ra trong công tác cải cách hành chính hiện nay.

 - Kết quả giải quyết các hồ sơ thủ tục hành chính cho tổ chức, công dân tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại đảm bảo, đúng quy trình, thủ tục đơn giản, rõ ràng, dễ hiểu, dễ tiếp cận, minh bạch, tạo được lòng tin trong Nhân dân.

 - Chưa để xảy ra tình trạng tổ chức, công dân phản ánh, kiến nghị về giải quyết thủ tục hành chính.

 **III. NHỮNG HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC**

 1. Hạ tầng phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin chưa đáp ứng nên việc triển khai kết nối mạng diện rộng tỉnh CPNet đã làm ảnh hưởng đến việc truy cập Internet phục vụ giải quyết công việc và vận hành sử dụng các phần mềm dùng chung, toàn cơ quan mới chỉ kết nối mạng nội bộ 70% máy tính.

 2. Các văn bản quy định về các lĩnh vực thủ tục hành chính thường xuyên sửa đổi, bổ sung và thay đổi; các lĩnh vực liên thông liên quan đến nhiều ngành cấp huyện nên thời gian trả hồ sơ thường xuyên quá hạn và phải lập phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả theo biễu mẫu số 04 của Quyết định số 34/2019/QĐ- UBND ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh.

 3. Một số ít cán bộ, công chức vẫn chưa thường xuyên sử dụng các phần mềm dùng chung của tỉnh như: mail công vụ, quản lý văn bản và điều hành trong thực thi công vụ; công chức phụ trách công nghệ thông tin là kiêm nhiệm chưa được đào tạo chuyên môn nên hiệu quả hoạt động chưa cao.

 4. Quy trình hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức còn nhiều bất cập, trong vấn đề phân thẩm quyền đánh giá, xếp loại đối với cán bộ và công chức là khác nhau.

 5. Việc quản lý và lưu trữ hồ sơ đi, đến giữa phần mềm hồ sơ công việc và trong sổ giấy chưa trùng khớp số vào sổ lưu.

 6. Hiện nay UBND xã còn thiếu 02 chỉ tiêu biên chế công chức nên đã ảnh hưởng đến kết quả công tác cải cách hành chính của địa phương.

 **IV. NHIỆM VỤ CCHC TRONG NĂM 2022**

 Tiếp tục thực hiện các văn bản chỉ đạo của cấp trên về nhiệm vụ cải cách hành chính trong năm 2021, Ủy ban nhân dân xã xác định nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới cụ thể như sau:

 1. Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại UBND các xã, phường, thị trấn thuộc UBND tỉnh thừa Thiên Huế.

 2. Tiếp tục thực hiện tốt hoạt động của “Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại”, tạo sự hài lòng đối với tổ chức, công dân khi đến giao dịch giải quyết các thủ tục hành chính.

 3. Duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 vào hoạt động tại UBND xã.

 4. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền tạo sự thay đổi trong nhận thức đối với cán bộ, công chức, người lao động và Nhân dân đối với công tác cải cách hành chính.

 5. Thực hiện tốt quy trình xây dựng văn bản và rà soát văn bản quy phạm pháp luật hàng năm.

 6. Thường xuyên quan tâm đến công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức; xây dựng báo cáo liên quan đến công tác cải cách hành chính năm 2021; triển khai tự chấm điểm chỉ số cải cách hành chính năm 2021.

 7. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước tại địa phương.

 8. Tiếp tục thực hiện Quyết định số 48/2018/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh; Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2019 vê việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về Quy tắt ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án văn hóa công vụ và các Quyết định, Chỉ thị quy định về kỷ luật, kỷ cương hành chính của cấp trên.

 **V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

 1. Đề nghị các phòng, ban chuyên môn cấp huyện tiếp tục quan tâm mở các lớp bồi dưỡng tập huấn để nâng cao khả năng sử dụng các phần mềm dùng chung cho đội ngũ cán bộ, công chức chuyên môn như: phần mềm quản lý văn bản điều hành; ứng dụng chữ ký số; xử lý hồ sơ và đánh giá mức độ hài lòng trên dịch vụ công tập trung; vận hành Trang thông tin điện tử; các phương pháp đánh giá nội bộ, quy trình họp xem xét của lãnh đạo chất lượng ISO; hướng dẫn kinh nghiệm xây dựng quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo thủ tục mới công bố.

 2. Đề nghị cấp trên quan tâm bố trí, tuyển dụng thêm các chức danh công chức chuyên môn còn thiếu đối với UBND xã.

 ***Trên đây là báo cáo tình hình tổ chức triển khai công tác cải cách hành chính năm 2021 và một số nhiệm vụ CCHC năm 2022 của UBND xã Quảng Phước./.***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Phòng Nội vụ huyện; - Đoàn kiểm tra; - Ban Thường vụ Đảng ủy; (Để b/c)- Thường trực HĐND xã; - Chủ tịch, các PCT.UBND xã;- Thường trực UBMTTQVN xã;- Các ban ngành, đoàn thể xã;- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại xã;- Lưu VT. |  **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH**  **Phan Thị Châu**  |

# Phụ lục

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH**

**CHÍNH NĂM 2021 TẠI UBND XÃ QUẢNG PHƯỚC**

*(Ban hành kèm theo Báo cáo số 102/UBND ngày 06/12/2021 của UBND xã)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu thống kê** *(Sử dụng trong kỳ báo cáo năm)* | **Kết quả thống kê** | **Ghi chú** |
| **Đơn vị tính** | **Số liệu** |  |
| **1.** | **Công tác chỉ đạo điều hành CCHC** |  |  |  |
| 1.1. | Kế hoạch CCHC |  | 01 |  |
| 1.1.1. | Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch | Nhiệm vụ | 07 |  1. Cải cách thể chế; 2. cải cách thủ tục hành chính; 3. cải cách tổ chức bộ máy hành chính; 4. xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngủ cán bộ, công chức; 5. cải cách tài chính công; 6. hiện đại hóa nền hành chính nhà nước; 7.công tác chỉ đạo hiều hành và tuyên truyền.  |
| 1.1.2. | Số nhiệm vụ đã hoàn thành | Nhiệm vụ | 07 |  Hoàn thành  |
| 1.1.3. | Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành | Văn bản | 01 |  Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021; kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm 2021; kế hoạch nâng cao chỉ số cải cách hành chính năm 2021; kế hoạch tự kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2021; kế hoạch kiểm tra kỷ luật; kỷ cương hành chính năm 2021; báo cáo CCHC, kiểm soát thủ tục hành chính định kỳ; kế hoạch thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật năm 2021; kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021; kế hoạch rà soát đánh giá TTHC năm 2021; kế hoạch rà soát hệ thống văn bản QPPL năm 2021; kế hoạch kiểm tra văn bản QPPL năm 2021; kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin năm 2021…  |
| 1.2. |  Kiểm tra CCHC |  |  |   |
| 1.1.1. | Ban hành Kế hoạch tự kiểm tra việc thực hiện công tác CCHC | Cơ quan,đơn vị | 01 |  Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 và thực hiện ý kiến chỉ đạo năm 2021; kế hoạch kiểm tra kỷ luật kỷ cương hành chính năm 2021.  |
| 1.1.2. | Đảng ủy/HĐND xã/UBMTTQ Việt Nam xã/Các đoàn thể chính trị - xã hội cấp xã ban hành kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác CCHC của UBND xã | Cơ quan,đơn vị | 01 | Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2021 đối với Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại xã của Ban pháp chế HĐND xã.  |
| 1.1.3. | Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra | Vấn đề | Không |   |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu thống kê** *(Sử dụng trong kỳ báo cáo năm)* | **Kết quả thống kê** | **Ghi chú** |
| **Đơn vị tính** | **Số liệu** |  |
| 1.1.4. | Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong | Vấn đề | Không  |  |
| 1.3. | Thực hiện nhiệm vụ UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao |  |  |  |
| 1.3.1. | Tổng số nhiệm vụ được giao | Nhiệm vụ | 41 |  |
| 1.3.2. | Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn | Nhiệm vụ | 38 |  |
| 1.3.3. | Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn | Nhiệm vụ | 03 |  Do một số công chức do thực hiện thao tác xử lý nhiệm vụ trên phần mềm chưa quen, đã xử lý công việc ngoài rồi mới ký số văn bản chuyển lên hồ sơ công việc nên dẫn đến quá hạn.  |
| 1.4. | Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức |   |  |  |
| 1.4.1. | Số lượng phiếu khảo sát | Số lượng | 229 |  Đạt tỷ lệ 69,5%  |
| 1.4.2. | Hình thức khảo sát | Trực tuyến = 0Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2 | 01 |  Đã kích hoạt mã số phiếu tiếp nhận hồ sơ trên dịch vụ công  |
| 1.5. | Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp | Không = 0Có = 1 | 10 |  Lãnh đạo UBND xã đã đối thoại trực tiếp định kỳ với cử tri trên địa bàn xã mỗi năm 2 đợt, mỗi đợt 5 lần.  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu thống kê** *(Sử dụng trong kỳ báo cáo năm)* | **Kết quả thống kê** | **Ghi chú** |
| **Đơn vị tính** | **Số liệu** |  |
| 1.6. | Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) thuộc thẩm quyền giải quyết của cá nhân, tổ chức |  | 00 |  Trong năm 2021 không có phản ánh kiến nghị của tổ chức, công dân về công tác cải cách hành chính tại địa phương.  |
| 1.6.1 | Số PAKN đã giải quyết | Số PAKN | 00 |  |
| 1.6.2 | Số PAKN chưa giải quyết |  | 00 |  |
| 1.7 | Kế hoạch tuyên truyền CCHC |  | 01 |  |
| 1.7.1 | Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch | Nhiệm vụ | 9 |  1.Tuyên truyền các quan điểm chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật nhà nước về công tác CCHC; 2. Tuyên truyền vai trò lãnh đạo của cấp ủy, người đứng đầu cơ quan, tổ chức đoàn thể chính trị về công tác CCHC; 3.Phổ biến kế hoạch nhiệm vụ trong công tác CCHC; 4. Tình hình kết quả triển khai cải cách công vụ, công chức; 5. Nhân rộng các điển hình tiến trong CCHC; 6. Tuyên truyền cơ chế một cửa, một cửa liên thông; 7. Phổ biến các vấn đề liên quan đến công tác CCHC; 8. tăng cường tuyên truyền tình hình triển khai mô hình điện tử; 9. Phổ biến, hướng dẫn người dân sử dụng các ứng dụng đô thị thông minh như: giám sát camara, giám sát dịch vụ hành chính, dịch vụ cảnh báo cháy.  |
| 1.7.2 | Số nhiệm vụ đã hoàn thành | Nhiệm vụ | 08 |  |
| 1.7.3 | Các hình thức tuyên truyền đã thực hiện | Hình thức | 04 | Tuyên truyền trên trang trên trang thông tin điện tử xã, niêm yết công khai các TTHC tại bộ phận một cửa; lòng ghép các ban ngành, đoàn thể xã, các hội nghị ở thôn.  |
| **2.** | **Cải cách thể chế**  |  |  |  |
| 2.1. | Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành | Văn bản | 03 |  |
| 2.2. | Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền | Văn bản | 03 |  |
| 2.3. | Số VBQPPL đã rà soát | Văn bản | 03 |  |
| 2.4. | Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát | Văn bản | 00 |  |
| 2.5. | Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong | Văn bản | 00 |  |
| 2.6. | Xây dựng kế hoạch, báo cáo công tác theo dõi thi hành pháp luật (THPL) và xử lý kết quả theo dõi THPL | Văn bản | 02 | Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2021; báo cáo công tác theo dõi thi hành pháp luật năm 2021.  |
| 2.7. | Thực hiện các hoạt động về theo dõi THPL (*Thu thập thông tin về tình hình THPL; Kiểm tra tình hình THPL; Điều tra,* | Văn bản | 00 |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu thống kê** *(Sử dụng trong kỳ báo cáo năm)* | **Kết quả thống kê** | **Ghi chú** |
| **Đơn vị tính** | **Số liệu** |  |
|  | *khảo sát tình hình THPL)* |  |  |  |
| **3.** | **Cải cách thủ tục hành chính** |  |  |  |
| 3.1. | Công khai TTHC và công khai tiến độ giải quyết hồ sơ |  |  |  |
| 3.1.1 | Số lượng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp được công khai trên Trang thông tin điện tử |  |  |  |
| 3.1.2 | Số lượng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị được công khai trên Trang thông tin điện tử và Bảng niêm yết tại Trụ sở |  |  |  |
| 3.1.3 | Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Trang TTĐT của UBND cấp xã | Tin, bài | 16 |  Trong năm 2021 đã đăng tải 16 tin bài tuyền truyền trên trang thông tin điện tử xã về công tác cải cách hành chính.  |
| 3.2. | Thống kê TTHC |  |  | Căn cứ theo Quyết định công bố của UBND tỉnh; chỉ thống kê theo cấp quản lý |
| 3.2.1. | Số TTHC công bố mới | Thủ tục |  |  |
| 3.2.2. | Số TTHC bãi bỏ, thay thế | Thủ tục |  |  |
| 3.2.3. | Tổng số TTHC đang có hiệu lực | Thủ tục |  |  |
| Trong đó | Số TTHC cấp tỉnh: | Thủ tục |  |  |
| Số TTHC cấp huyện: | Thủ tục |  |  |
| Số TTHC cấp xã: | Thủ tục | 130 | Giải quyết tại một cửa: 109 thủ tục, giải quyết bộ phận Công an, Quân sự 21 thủ tục).  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu thống kê** *(Sử dụng trong kỳ báo cáo năm)* | **Kết quả thống kê** | **Ghi chú** |
| **Đơn vị tính** | **Số liệu** |  |
| 3.3. | Vận hành Cổng dịch vụ công |  |  | Căn cứ theo Quyết định công bố của UBND tỉnh; chỉ thống kê theo cấp quản lý |
| 3.3.1. | Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia | Thủ tục |  |  |
| 3.3.2. | Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia | Thủ tục |  |  |
| 3.4. | Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông | Thủ tục  |  75 | Căn cứ theo Quyết định công bố của UBND tỉnh; chỉ thống kê theo cấp quản lý |
| 3.4.1. | Số TTHC liên thông cùng cấp | Thủ tục | 01 |  Liên thông công an xã  |
| 3.4.2. | Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền | Thủ tục | 93 |  Liên thông cấp huyện, tỉnh  |
| 3.4.3. | Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ | % | 100 |  |
| 3.4.4. | Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa | % | 100 |  |
| 3.5. | Kết quả giải quyết TTHC |  |  |  |
| 3.5.1. | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hẹn | % |  |  |
| 3.5.2. | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hẹn | % |  |  |
| 3.5.3. | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hẹn | % | 99,5 |  453/455 hồ sơ, có 02 hồ sơ giải quyết quá hạn  |
| 3.5.4. | Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng | % |  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu thống kê** *(Sử dụng trong kỳ báo cáo năm)* | **Kết quả thống kê** | **Ghi chú** |
| **Đơn vị tính** | **Số liệu** |  |
|  | hẹn (ở cả 3 cấp). |  |  |  |
| 3.5.5. | Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hẹn (ở cả 3 cấp). | % |  |  |
| 3.5.6. | Hồ sơ áp dụng chữ ký số trong các văn bản thông báo, gia hạn, xác minh hồ sơ, xin lỗi, trả kết quả giải quyết TTHC trên phần mềm/Tổng số Hồ sơ cần thông báo, gia hạn, xác minh hồ sơ, xin lỗi, trả kết quả giải quyết TTHC | Phiếu  | 12 |  Hẹn lại thời gian trả hồ sơ TTHC  |
| 3.6. | Vận hành Cổng dịch vụ công |  |  |  |
| 3.6.1. | Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC | Thủ tục | 130 |  |
| 3.6.2. | Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC | Thủ tục | 00 |  |
| 3.6.3. | Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến | Thủ tục | 00 |  |
| 3.6.4. | Số TTHC đã đồng bộ, cấu hình quy trình giải quyết | Thủ tục | quy trình  |  218 quy trình  |
| 3.6.5. | Hồ sơ TTHC được số hóa vào phần mềm (đảm bảo cả đầu vào và đầu ra) | Hồ sơ | 454 | Lĩnh vực bão trợ xã hội 86 hồ sơ; chứng thực 284 hồ sơ; đất đai 6 hồ sơ; người có công 16 hồ sơ; hộ tịch 57 hồ sơ; việc làm 4 hồ sơ. |
| **4.** | **Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước** |  |  |  |
| 4.1. | Cơ cấu tổ chức bộ máy |  |  |  |
| 4.1.1. | Số cơ quan chuyên môn cấp huyện | Cơ quan, đơn vị |  |  |
| 4.1.2. | Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp huyện | Cơ quan, đơn vị |  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu thống kê** *(Sử dụng trong kỳ báo cáo năm)* | **Kết quả thống kê** | **Ghi chú** |
| **Đơn vị tính** | **Số liệu** |  |
| 4.1.3. | Số tổ chức liên ngành do cấp huyện thành lập | Cơ quan,đơn vị |  |  |
| 4.1.4. | Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện | Cơ quan,đơn vị |  |  |
| Trong đó | *Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện* | Cơ quan,đơn vị |  |  |
| *Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015* | % |  |  |
| 4.2. | Số liệu về biên chế công chức |  |  |  |
| 4.2.1. | Tổng số biên chế được giao trong năm | Người | 22 |  |
| 4.2.2. | Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo | Người | 20 |  |
| 4.2.3. | Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước | Người | 00 |  |
| 4.2.4. | Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo | Người | 02 |  |
| 4.2.5. | Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015 | % | 0,87 |  |
| 4.3. | Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập |  |  |  |
| 4.3.1. | Tổng số người làm việc được giao | Người |  |  |
| 4.3.2. | Tổng số người làm việc có mặt | Người |  |  |
| 4.3.3. | Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo | Người |  |  |
| 4.3.4. | Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015 | % |  |  |
| **5.** | **Cải cách chế độ công vụ** |  |  |  |
| 5.1. | Vị trí việc làm của công chức, viên chức |  |  |  |
| 5.1.1. | Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc | Cơ quan, đơn vị |  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu thống kê** *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng năm)* | **Kết quả thống kê** | **Ghi chú** |
| **Đơn vị tính** | **Số liệu** |  |
|  | làm theo quy định |  |  |  |
| 5.1.2. | Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định | Cơ quan, đơn vị |  |  |
| 5.1.3. | Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra | Cơ quan, đơn vị |  |  |
| 5.2. | Tuyển dụng công chức, viên chức |  |  |  |
| 5.2.1. | Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển) | Người | 00 |  |
| 5.2.2. | Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt. | Người | 00 |  |
| 5.2.3. | Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên. | Người | 00 |  |
| 5.2.4. | Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển). | Người |  |  |
| 5.2.5. | Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt. | Người |  |  |
| 5.3. | Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo |  | 00 |  |
| 5.3.1. | Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển | Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0 |  |  |
| 5.3.2. | Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới | Người |  |  |
| 5.4. | Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức *(cả về Đảng và chính quyền).* |  |  |  |
| 5.4.1. | Số lãnh đạo UBND cấp huyện bị kỷ luật. | Người |  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu thống kê***(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng năm)* | **Kết quả thống kê** | **Ghi chú** |
| **Đơn vị tính** | **Số liệu** |  |
| 5.4.2. | Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện bị kỷ luật. | Người |  |  |
| 5.4.3. | Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật. | Người |  |  |
| **6.** | **Cải cách tài chính công** |  |  |  |
| 6.1. | Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)* | Cơ quan, đơn vị |  |  |
| 6.2. | Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên*(lũy kế đến thời điểm báo cáo)* | Cơ quan, đơn vị |  |  |
| 6.3. | Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)* | Cơ quan, đơn vị |  |  |
| 6.4. | Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)* | Cơ quan, đơn vị |  |  |
| 6.5. | Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần*(lũy kế đến thời điểm báo cáo)* | Cơ quan, đơn vị |  |  |
| **7.** | **Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số** |  |  |  |
| 7.1. | Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0 | Chưa = 0Hoàn thành = 1 | 00 |  |
| 7.2. | Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến*Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.**Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.* | Chưa có = 0 2 cấp = 13 cấp = 2 | 00 |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu thống kê***(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng năm)* | **Kết quả thống** | **Ghi chú** |
| **Đơn vị tính** | **Số liệu** |  |
| 7.3. | Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia | Chưa = 0 Đang làm = 1Hoàn thành = 2 | 02 |  |
| 7.4. | Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp UBND cấp huyện, UBND cấpxã được cấp chứng thư số. | Đơn vị | 95% |  |
| 7.5. | Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP). | Chưa = 0 Đang làm = 1Hoàn thành = 2 | 02 |  |
| 7.6. | Số liệu về trao đổi văn bản điện tử |  |  |  |
| 7.6.1 | Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bảnđiều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã |  |  |  |
| Trong đó | Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh | % |  |  |
| Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện | % | 100 |  |
| 7.6.2. | Tổng số văn bản đi giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàntỉnh | Văn bản |  |  |
| Trong đó | Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử *(Sử dụng**chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)*. | % | 95 |  |
| Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và songsong với văn bản giấy | % | 95 |  |
| 7.7. | Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung củatỉnh |  |  |  |
| 7.7.1. | Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống | % |  |  |
| 7.7.2. | Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống | % |  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu thống kê***(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng năm)* | **Kết quả thống kê** | **Ghi chú** |
| **Đơn vị tính** | **Số liệu** |  |
| 7.8. | Dịch vụ công trực tuyến | Dịch vụ | 00 |  Do đặc thù của địa phương nên chưa triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến |
| 7.8.1. | Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 | TTHC | 00 |  |
| 7.8.2. | Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4 | TTHC | 00 |  |
| 7.8.3. | Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3 | % | 00 |  |
| 7.8.4. | Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4 | % | 00 |  |